TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 6 năm 2025
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thanh Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến, Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Đỗ Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 45/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị D – sinh năm: 19xx.

Nơi cư trú: Tổ 67 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ liên hệ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm T – sinh năm: 19xx. Địa chỉ: Tổ 67 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

* Nguyên đơn, bà Trương Thị D trình bày:

Bà Trương Thị D và ông Phạm T đăng ký kết hôn năm 2004 tại Uỷ ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, (Giấy chứng nhận kết hôn số 166 ngày 05/8/2004), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, bà D cho rằng bà không được tôn trọng, ông T nghe lời người ngoài nên thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm bà, làm tổn thương tinh thần bà, bà D đã về nhà

mẹ ruột sinh sống, không ai quan tâm đến ai. Nay bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn ông T.

Về con chung: bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T có 02 con chung: Phạm Thu H – sinh 12 tháng 7 năm 20xx và Phạm Thu H – sinh 14 tháng 6 năm 20xx. Đối với cháu H đủ 18 tuổi nên bà D không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu H hiện nay đang sống cùng bà D, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Thu H. Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên toà, bà D rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ đối với ông Phạm T đến Tòa án để lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông T đều không có mặt và không có lý do về việc vắng mặt nên Toà án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị D đối với ông Phạm T; Về con chung: đề nghị giao bà D trược tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thu H– sinh 14 tháng 6 năm 20xx, ông T không cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung Phạm Thu H đã đủ 18 tuổi nên không xem xét; Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên không xem xét; Về nợ chung: bà D xác định không có nợ chung, tuy nhiên tại phiên toà ông T vắng mặt nên không xem xét. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trương Thị D và ông Phạm T cư trú tại Tổ 67 phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" giữa bà D và ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Phạm T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phạm T.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Trương Thị D và ông Phạm T đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 166 ngày 05 tháng 8 năm 2004), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà D giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Ông T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tài liệu, chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện: bản thân ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để Tòa án tiến hành ghi lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, chứng tỏ ông cũng không tha thiết đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương thể hiện giữ bà D và ông T có xảy ra mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân của bà D và ông T như hiện nay thì sẽ không đạt được mục đích hôn nhân hạnh phúc, nên căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị D đối với ông Phạm T là phù hợp.

- Về con chung: Bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T có 02 con chung là Phạm Thu H – sinh 12 tháng 7 năm 20xx và Phạm Thu H – sinh 14 tháng 6 năm 20xx.

Ly hôn, bà D yêu cầu bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thu H. Đối với con chung Phạm Thu H đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến ông T.

Xét yêu cầu nuôi con của bà D thì thấy: Cháu Phạm Thu H đến nay chưa đủ 18 tuổi, hiện nay cháu cũng sinh sống cùng mẹ, nguyện vọng của cháu H muốn được ở cùng mẹ, đối với cháu H đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Tại phiên toà ông T vắng mặt nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông. Xét yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Thu H cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà D rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông Phạm T vắng mặt tại phiên Toà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Trương Thị D và xác định bà và ông Phạm T không có nợ chung. Ông Phạm T vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trương Thị D phải chịu: 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị D về việc: *"Ly hôn, nuôi con"* đối với ông Phạm T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bà Trương Thị D được ly hôn ông Phạm T.

2. Về quan hệ con chung:

Bà Trương Thị D xác định bà và ông Phạm T xác định có 01 người con tên: Phạm Thu H – sinh 12 tháng 7 năm 20xx và Phạm Thu H – sinh 14 tháng 6 năm 20xx.

Xử: Giao bà Trương Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thu H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Phạm T không cấp dưỡng nuôi con

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Trương Thị D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình bà D đã nộp theo biên lai thu số 0007458 ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận

Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Dung đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- UBND phường H, Q. Liên Chiểu TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THA DS Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký, đóng dấu)

Phạm Thanh Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**